|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH****——** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**————————————— |
| Số: /TTr-BTC |  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị định của Chính phủ về tài chính công đoàn, kinh phí công đoàn, ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ và miễn, giảm tạm dừng đóng kinh phí công đoàn; quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng kinh phí công đoàn của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định tại Điều 29, 30 và 31 Luật Công đoàn (sửa đổi) năm 2024, Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiên dân chủ ở cơ sở, Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, Quyết định số 301-QĐ/TW ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã, Quyết định số 304-QĐ/TW ngày 10/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nhiệm vụ được giao tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8[[1]](#footnote-1).

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan có liên quan, Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị định của Chính phủ về tài chính công đoàn, kinh phí công đoàn, ngân sách nhà nước (NSNN) cấp hỗ trợ và miễn, giảm tạm dừng đóng kinh phí công đoàn (KPCĐ); quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng KPCĐ của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp, cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

1.1. Ngày 03/02/2018, Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện cải cách tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trong đó tại điểm e khoản 2 mục II phụ lục kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-CP giao *“Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 23/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính công đoàn, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong trường hợp cần thiết, bảo đảm quản lý chặt chẽ, công khai, minh bạch và sử dụng có hiệu quả tài sản của tổ chức công đoàn phù hợp với điều kiện mới”.*

1.2. Ngày 27/11/2024, Quốc hội thông qua Luật Công đoàn; trong đó:

- Khoản 2 Điều 29 quy định *“Chính phủ quy định phương thức, thời hạn và nguồn đóng KPCĐ; trường hợp không đóng hoặc chậm đóng KPCĐ; nội dung NSNN cấp hỗ trợ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này”*.

- Khoản 4 Điều 30 quy định *“Chính phủ thống nhất với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định về việc miễn, giảm, tạm dừng đóng KPCĐ; quy định chi tiết các nội dung khác của Điều này”.*

- Khoản 6 Điều 31 quy định *“Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng KPCĐ của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp”.*

1.3. Ngày 27/6/2025, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, trong đó Điều 2 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công đoàn quy định: *Công đoàn Việt Nam trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là đại diện duy nhất của người lao động ở cấp quốc gia trong quan hệ lao động và quan hệ quốc tế về công đoàn. Công đoàn Việt Nam gồm có cấp trung ương, công đoàn cấp trên cơ sở, công đoàn cấp cơ sở. Đối tượng đóng kinh phí công đoàn gồm doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp không hưởng 100% lương từ NSNN, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng lao động theo quy định của pháp luật*.

1.4. Ngày 25/6/2025, Quốc hội thông qua Luật NSNN năm 2025, trong đó tại khoản 7 Điều 8 quy định: NSNN bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị, cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị-xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

1.5. Theo Quyết định số 301-QĐ/TW và Quyết định số 304-QĐ/TW từ ngày 01/7/2025, Liên đoàn lao động (LĐLĐ) cấp tỉnh trực thuộc Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Tổng LĐLĐ Việt Nam trực thuộc Cơ quan Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Qua 12 năm thực hiện theo Luật Công đoàn và Nghị định số 191/2013/NĐ-CP của Chính phủ đã góp phần tạo hành lang pháp lý trong việc kiểm soát thu, chi tài chính công đoàn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng, tăng cường tính minh bạch, công khai trong sử dụng tài chính công đoàn và tạo điều kiện thuận lợi cho công đoàn thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình, tạo điều kiện vật chất để tổ chức công đoàn đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện văn bản nêu trên còn một số hạn chế, vướng mắc như sau:

- Về thẩm quyền ban hành văn bản: Theo quy định của Luật Công đoàn và Nghị định số 191/2013/NĐ-CP không quy định Tổng LĐLĐ Việt Nam ban hành các văn bản hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tài chính công đoàn phải lấy ý kiến hoặc có sự thỏa thuận trước khi ban hành với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành (như tài chính, ngân hàng, xây dựng…). Điều này tạo sự chủ động cho Tổng LĐLĐ Việt Nam trong ban hành văn bản nhưng dẫn đến một số văn bản ban hành có những điểm chưa phù hợp với các quy định của pháp luật như: Quyết định số 1912/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 và Quyết định số 1712/QĐ-TLĐ ngày 24/10/2016 quy định các đơn vị sự nghiệp trực thuộc nộp về cấp trên là chưa phù hợp với quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Về việc báo cáo tình hình thu, chi và quản lý, sử dụng tài chính công đoàn: Kinh phí công đoàn (KPCĐ) là khoản đóng góp theo tỷ lệ có tính chất bắt buộc như bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) và bảo hiểm thất nghiệp (BHTN). Tuy nhiên, số dự toán và quyết toán thu, chi KPCĐ chỉ báo cáo Đoàn Chủ tịch Tổng LĐLĐ Việt Nam; trong khi đó dự toán thu, chi các quỹ BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN hàng năm do Thủ tướng Chính phủ quyết định giao dự toán thu, chi. Các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí phải báo cáo quyết toán nguồn kinh phí này theo quy định chế độ kế toàn hành chính sự nghiệp và được xét duyệt, thẩm định quyết toán theo quy định của Bộ Tài chính. Hàng năm, Chính phủ báo cáo tình hình quản lý và sử dụng các Quỹ với Quốc hội. Hiện nay đã được quy định tại khoản 4 Điều 33 Luật Công đoàn năm 2024 và khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên, Luật Thực hiện dân chủ cơ sở.

- Về việc NSNN cấp hỗ trợ: Từ ngày 01/7/2025, Tổng LĐLĐ Việt Nam là đơn vị trực thuộc Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, LĐLĐ cấp tỉnh là đơn vị trực thuộc Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh nên việc quy định NSNN cấp hỗ trợ cần được sửa đổi so với trước thời điểm 01/7/2025 (Tổng LĐLĐ Việt Nam là đơn vị dự toán cấp 1 ngân sách trung ương; LĐLĐ Việt Nam là đơn vị dự toán cấp 1 ngân sách địa phương).

- Về thời hạn đóng KPCĐ đã được quy định tại Điều 6 Nghị định số 191/2013/NĐ-CP, tuy nhiên chưa có quy định về thời hạn chậm nhất cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nên chưa có cơ chế kiểm soát, đôn đốc và khuyến khích việc chấp hành đóng đúng hạn.

- Chưa có quy định về việc miễn, giảm, tạm dừng đóng KPCĐ đối với các trường hợp đối với doanh nghiệp gặp khó khăn phải cắt giảm số lao động hiện có hoặc trường hợp bất khả kháng dẫn đến không có khả năng đóng KPCĐ.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục đích ban hành Nghị định**

Dự thảo Nghị định được xây dựng và ban hành nhằm mục đích cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về tài chính công đoàn bảo đảm quản lý chặt chẽ, công khai, minh bạch; tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật hiện hành. Ngoài ra, dự thảo Nghị định được ban hành sẽ khắc phục một số tồn tại hạn chế trong triển khai thực hiện Nghị định số 191/2013/NĐ-CP thời gian qua. Qua đó tạo thuận lợi cho Công đoàn chủ động nguồn kinh phí, tổ chức thực hiện thu, chi KPCĐ, đoàn phí công đoàn theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời góp phần tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi gặp khó khăn.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị định**

- Việc xây dựng dự thảo Nghị định đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn hoạt động của Công đoàn để Công đoàn chủ động trong việc sử dụng kinh phí, tổ chức thực hiện hoạt động công đoàn.

- Kế thừa các nội dung quy định tại Nghị định số 191/2013/NĐ-CP nhưng đảm bảo theo đúng định hướng tại các Nghị quyết của Đảng, cụ thể hóa quy định tại Luật Công đoàn và pháp luật liên quan.

- Không quy định lặp lại các nội dung các Luật, Pháp lệnh, Nghị định của Chính phủ đã quy định rõ ràng để tổ chức thực hiện.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ ĐỊNH**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về tài chính công đoàn đối với nguồn thu KPCĐ và NSNN cấp hỗ trợ; việc quản lý việc quản lý, sử dụng KPCĐ của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.

1. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng được áp dụng tại Nghị định số 191/2013/NĐ-CP; ngoài ra bổ sung cụ thể đối tượng *“hợp tác xã, liên hiệp, hợp tác xã, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp”* cho phù hợp với quy định tại Luật Công đoàn.

**IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định này theo đúng trình tự quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

1. Chủ trì, phối hợp với Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng LĐLĐ Việt Nam xây dựng dự thảo Nghị định, tổ chức các hội thảo để lấy ý kiến góp ý.

2. Gửi lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành liên quan, gồm: các Ban của Đảng, các Ủy ban của Quốc hội; Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng LĐLĐ Việt Nam; các Bộ Tư pháp, Nội vụ, Quốc phòng, Công an; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, một số LĐLĐ địa phương và một số doanh nghiệp đại diện cho 03 miền Bắc, Trung, Nam. Đồng thời, đăng trên cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính, cổng Thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân.

3. Tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý.

4. Gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

# **V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

1. **Bố cục:**

Dự thảo Nghị định bao gồm 06 chương, 20 Điều, cụ thể:

- Chương 1: Gồm 3 Điều (Điều 1 đến Điều 3), quy định chung về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc quản lý và sử dụng tài chính công đoàn.

- Chương 2: Gồm 4 Điều, từ Điều 4 đến Điều 7, quy định cơ chế tài chính về KPCĐ.

- Chương 3: Gồm 3 Điều, từ Điều 8 đến Điều 10, quy định về ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ*.*

- Chương 4: Gồm 4 Điều, từ Điều 11 đến Điều 14, quy định về miễn, giảm, tạm dừng đóng KPCĐ.

- Chương 5: Gồm 2 Điều (Điều 15 và Điều 16), quy định về quản lý, sử dụng KPCĐ của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.

- Chương 6: Gồm 4 Điều, từ Điều 17 đến Điều 20, quy định về điều khoản thi hành.

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định:**

2.1. Các nội dung tiếp tục kế thừa (bao gồm một số nội dung sửa đổi) các quy định tại Nghị định số 191/2013/NĐ-CP do vẫn phù hợp với quy định tại Luật Công đoàn năm 2024 và thực tế, đồng thời có rà soát để điều chỉnh, bổ sung gồm các Điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Nghị định số 191/2013/NĐ-CP, trong đó:

- Điều 6 phương thức, thời hạn đóng KPCĐ

Tiếp thu đề xuất của Tổng LĐLĐ Việt Nam, Bộ Tài chính dự thảo Nghị định bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 6 (tương tự như quy định khoản 4 Điều 34 Luật BHXH về thời hạn đóng BHXH) như sau:

 *“4. Thời hạn đóng KPCĐ chậm nhất đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Ngày cuối cùng của tháng tiếp theo đối với phương thức đóng hàng tháng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này. Ngày cuối cùng của tháng tiếp theo ngay sau chu kỳ đóng với phương thức đóng mỗi quý một lần theo quy định tại khoản 3 Điều này.*

*5. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có trách nhiệm đóng KPCĐ đầy đủ, đúng thời hạn quy định; cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến việc đóng KPCĐ khi có yêu cầu bằng văn bản của Công đoàn cơ sở hoặc Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở nơi phân cấp thu KPCĐ trực tiếp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.*

- Điều 9 và Điều 10 quy định các nội dung được ngân sách trung ương và ngân sách địa phương hỗ trợ

Căn cứ Luật Công đoàn, các nội dung chi của ngân sách trung ương và ngân sách địa phương tại Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn sửa đổi cho phù hợp, thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật.

Tại Điều 9, Tổng LĐLĐ Việt Nam đề xuất bổ sung quy định “*Chính phủ ủy quyền cho Bộ Tài chính thống nhất với Tổng LĐLĐ Việt Nam khi ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính công đoàn đối với hoạt động của tổ chức Công đoàn Việt Nam để thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này trên ơ sở đề nghị của Tổng LĐLĐ Việt Nam gửi Bộ Tài chính; trường hợp không thống nhất, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến trước khi quyết địn*h”.

Bộ Tài chính trình Chính phủ không tiếp thu do tại khoản 5 Điều 31 Luật Công đoàn đã quy định “*Sau khi thống nhất với Chính phủ, Tổng LĐLĐ Việt Nam ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu và quản lý, sử dụng tài chính công đoàn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của Công đoàn*”.

2.2. Các nội dung mới quy định tại dự thảo Nghị định

- Điều 11 quy định miễn đóng KPCĐ

Tiếp thu đề xuất của Tổng LĐLĐ Việt Nam và quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Công đoàn, Bộ Tài chính trình Chính phủ dự thảo quy định: *Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, phá sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Phá sản, Luật Hợp tác xã sau khi phân chia tài sản theo quy định tại các Luật này, không còn tài sản để đóng KPCĐ thì được xem xét miễn đóng KPCĐ sau khi Tổng LĐLĐ Việt Nam có văn bản đồng ý của Tổng LĐLĐ Việt Nam; thời gian xem xét, giải quyết không quá 15 làm việc. Tổng LĐLĐ Việt Nam hướng dẫn phân cấp quyền quyết định miễn đóng KPCĐ. Hồ sơ đề nghị miễn đóng KPCĐ: Văn bản để nghị miễn đóng KPCĐ, tài liệu liên quan đến việc xác định số KPCĐ miễn đóng và xác nhận của Công đoàn cơ sở hoặc Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở nơi phân cấp thu KPCĐ trực tiếp.*

- Điều 12 quy định về giảm mức đóng KPCĐ

Việc quy định giảm mức đóng KPCĐ cũng góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh hoặc các điều kiện bất khả kháng tương tự như việc hỗ trợ giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc hỗ trợ đào tạo cho người lao động khi doanh nghiệp gặp khó khăn như bảo hiểm thất nghiệp. Tổng LĐLĐ Việt Nam đề xuất 02 phương án (1) Phương án 1: Quy định mức giảm tối đa KPCĐ là 10%, tương đương giảm 0,1 lần mức đóng KPCĐ (xác định trên cơ sở số liệu tổng chi từ nguồn tài chính công đoàn, không bao gồm nguồn huy động và nguồn NSNN) cho các hoạt động hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp năm 2020-2021 khi Covid-19 xảy ra; (2) Phương án 2: Quy định mức giảm đóng KPCĐ căn cứ theo tỷ lệ số lao động đóng BHXH bắt buộc bị cắt giảm hiện có trên tổng số người lao động thuộc đối tượng phải đóng BHXH bắt buộc theo quy định của pháp luật về BHXH.

Tổng LĐLĐ Việt Nam đề xuất lựa chọn phương án 2 do xuất phát từ thực tiễn là các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có mức độ khó khăn khác nhau. Bộ Tài chính thống nhất phương án 2 do mức đóng KPCĐ căn cứ theo quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc và đảm bảo tính chủ động của Tổng LĐLĐ Việt Nam do Luật Công đoàn chỉ quy định doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi gặp khó khăn vì lý do kinh tế hoặc bất khả kháng “*được xem xét giảm mức đóng KPCĐ*”, không quy định “*được giảm mức đóng KPCĐ*”.

 Ngoài ra, dự thảo Nghị định cũng quy định thời gian giảm mức đóng KPCĐ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quy định hồ sơ đề nghị giảm mức đóng KPCĐ.

- Điều 13 quy định tạm dừng đóng KPCĐ

Do việc đóng KPCĐ dựa trên quỹ tiền lương đóng BHXH nên Tổng LĐLĐ Việt Nam đề xuất việc quy định điều kiện tạm dừng đóng KPCĐ tương tự điều kiện tạm dừng đóng BHXH (Điều 16 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP của Chính phủ). Bộ Tài chính thống nhất đề xuất của Tổng LĐLĐ Việt Nam.

- Điều 14 quy định trách nhiệm của Tổng LĐLĐ Việt Nam

Để đảm bảo tính minh bạch, công khai trong giải quyết miễn, giảm, tạm dừng đóng KPCĐ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cần quy định việc công khai thông tin giải quyết từng trường hợp, trách nhiệm báo cáo Quốc hội của Tổng LĐLĐ Việt Nam; trách nhiệm của Tổng LĐLĐ Việt Nam trong việc bảo vệ quyền lợi của đoàn viên, người lao động tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tạm dừng hoặc giảm mức đóng KPCĐ (khi đó sẽ dẫn đến giảm kinh phí hoạt động của Công đoàn cơ sở).

- Điều 15 và Điều 16 quy định quản lý, sử dụng KPCĐ của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp

Khái niệm “tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp” đã được quy định tại Điều 172 Bộ luật lao động; việc phân phối KPCĐ giữa tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp và Công đoàn cơ sở căn cứ theo số thành viên của tổ chức này tham gia BHXH bắt buộc, số tiền đóng, tổng số người lao động tại doanh nghiệp tham gia BHXH bắt buộc tại khoản 4 Điều 31 Luật Công đoàn. Mặt khác, KPCĐ là một trong 04 nguồn tài chính công đoàn, nội dung chi tài chính công đoàn đã được quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Công đoàn. Vì vậy, dự thảo Nghị định chỉ quy định thời điểm tổ chức công đoàn phải thực hiện phân phối KPCĐ của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp, một số nội dung chi phù hợp với tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp (điểm a, b, c, g, h khoản 2 Điều 31), quy định trách nhiệm của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng thời gian việc sử dụng KPCĐ theo yêu cầu bằng văn bản của tổ chức công đoàn để tổ chức công đoàn tổng hợp, báo cáo công khai việc quản lý, sử dụng tài chính công đoàn theo Điều 33 và Điều 34 Luật Công đoàn.

- Điều 17 quy định hiệu lực của Nghị định kể từ ngày ký: Nội dung dự thảo Nghị định gắn với vấn đề sắp xếp tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội thuộc trường hợp xây dựng, ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn tại điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nên theo khoản 1 Điều 53 Luật này, Nghị định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

- Điều 18 quy định điều khoản chuyển tiếp

Tổng LĐLĐ Việt Nam đề xuất quy định “*Đối với các hoạt động thực hiện quyền, trách nhiệm của Công đoàn và duy trì hoạt động của hệ thống công đoàn thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu và quản lý, sử dụng tài chính công đoàn đã được Tổng LĐLĐ Việt Nam ban hành để thực hiện trong hệ thống tổ chức của Công đoàn Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được sử dụng, thanh, quyết toán kinh phí theo quy định của Tổng LĐLĐ Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành*”.

Việc quy định nêu trên là phù hợp với quy định về hiệu lực thi hành của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và phù hợp về thẩm quyền của Tổng LĐLĐ Việt Nam theo khoản 1 Điều 27 Luật Công đoàn năm 2012, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 191/2013/NĐ-CP.

- Điều 19 quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện

Tổng LĐLĐ Việt Nam đề xuất bổ sung quy định trách nhiệm của Tổng LĐLĐ Việt Nam “*Đối với các hoạt động nghiệp vụ đặc thù của hệ thống tổ chức Công đoàn Việt Nam chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật thì Tổng LĐLĐ Việt Nam xây dựng và quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu tài chính công đoàn phù hợp với nghiệp vụ hoạt động đặc thù của tổ chức Công đoàn Việt Nam, gửi thống nhất với Bộ Tài chính và các Bộ quản lý lĩnh vực để ban hành và tổ chức thực hiện.*

*Đối với tài sản công đoàn theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 32 Luật Công đoàn, Tổng LĐLĐ Việt Nam thực hiện việc quản lý, sử dụng, khai thác theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan*”.

Bộ Tài chính trình Chính phủ không tiếp thu nội dung “*Đối với tải sản công đoàn theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 32 Luật Công đoàn… pháp luật có liên quan*” do khoản 7 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên, Luật Thực hiện dân chủ cơ sở đã quy định “*Việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công đoàn tại Tổng LĐLĐ Việt Nam, công đoàn cấp trên cơ sở, đơn vị sự nghiệp của Công đoàn thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật có liên quan*”. Các nội dung khác tiếp thu do phù hợp với nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ.

2.3. Tổng LĐLĐ Việt Nam đề xuất tại Nghị định quy định khái niệm “chậm đóng, không đóng KPCĐ” và hướng dẫn nội dung hằng năm Tổng LĐLĐ Việt Nam báo cáo Uỷ ban Trung ương MTTQ Việt Nam dự toán, quyết toán tài chính công đoàn.

Bộ Tài chính không tiếp thu do tại Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, BHXH, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã quy định các hành vi xử phạt vi phạm hành chính “chậm đóng KPCĐ”, “Đóng KPCĐ không đúng mức quy định”, “Đóng KPCĐ không đủ số người thuộc đối tượng phải đóng” và Bộ Nội vụ đã chủ trì, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 12/2022/NĐ-CP; Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên, Luật Thực hiện dân chủ cơ sở không giao Chính phủ quy định nội dung hằng năm, Tổng LĐLĐ Việt Nam báo cáo Uỷ ban Trung ương MTTQ Việt Nam dự toán, quyết toán.

 *(Chi tiết từng nội dung tại Phụ lục Bản so sánh dự thảo Nghị định, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định đối với quy định pháp luật hiện hành kèm theo Tờ trình).*

**VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1. Nguồn lực về tài chính**

Việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 191/2013/NĐ-CP nhằm cụ thể hóa các chính sách tại Luật Công đoàn năm 2024, Tổng LĐLĐ Việt Nam đã báo cáo Quốc hội sau khi Luật Công đoàn (sửa đổi) được ban hành đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện từ nguồn tài chính công đoàn (không bao gồm nguồn NSNN hỗ trợ). Do đó, kinh phí thực hiện Nghị định sau khi ban hành đã được bảo đảm từ nguồn tài chính công đoàn.

**2. Nguồn lực về con người**

Đề xuất xây dựng Nghị định và tổ chức thi hành Nghị định sau khi được ban hành không làm phát sinh thay đổi tổ chức bộ máy, nhân sự.

Trên cơ sở các nội dung báo cáo nêu trên, Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị định của Chính phủ về tài chính công đoàn, kinh phí công đoàn, ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ và miễn, giảm tạm dừng đóng kinh phí công đoàn; quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng kinh phí công đoàn của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.

Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng Chính phủ (để b/c)- PTTg Hồ Đức Phớc (để báo cáo);- Bộ trưởng (để báo cáo);- Văn phòng Chính phủ;- Các Bộ: Tư pháp, Nội vụ;- Uỷ ban TW MTTQ Việt Nam;- Các Vụ: NSNN, PC;- Các Cục: DNNN, QLCS;- Lưu: VT, KTN.(6b) |  **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG** **Bùi Văn Khắng** |

1. Bộ Tài chính chủ trì xây dựng trình Chính phủ *“Nghị định quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng kinh phí công đoàn của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp (khoản 6 Điều 31); quy định về tài chính công đoàn, kinh phí công đoàn, ngân sach nhà nước cấp hỗ trợ và miễn, giảm, tạm dừng đóng kinh phí công đoàn (khoản 2 Điều 29, khoản 4 Điều 30)”.* [↑](#footnote-ref-1)